

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DSST
Ngày: 16/3/2018
V/v tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI H – TỈNH QUẢNG NINH

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.
2. Ông Nguyễn Đức Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về trA chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Ngô Thị Diệu H**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: số 08 phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Q. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh **Trịnh Tuấn A**, sinh năm 1982.
HKTT: Tổ 8, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, tHnh phố H.
Tạm trú: số 08 phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/12/2017 và bản tự khai, nguyên đơn chị Ngô Thị Diệu H có quan điểm như sau:

Năm 2015, chị và A Trịnh Tuấn A được tự do tìm hiểu rồi đi đến kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H. Vợ chồng chung sống với nhau một

thời gian, đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm về kinh tế, nH cửa và ghen tuông dẫn đến cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc. Hiện nay hai bên đã sống ly thân, không có quan hệ về tình cảm. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với A Tuấn A theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung: Trịnh Thu Hương, sinh ngày 02/12/2015. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung đến tuổi tHnh niên, không yêu cầu A Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và khoản nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn A Trịnh Tuấn A: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Nhân dân huyện H đã tiến Hnh niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu A Tuấn A cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân, quan điểm trong việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, A Tuấn A không đến Tòa án cũng như không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào về các yêu cầu của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến Hnh xác minh tại phố C, thị trấn H, huyện H về tình trạng hôn nhân của chị H, A Tuấn A và được cung cấp thông tin: Chị H và A Tuấn A sau khi kết hôn sinh sống cùng gia đình chị H tại phố C, A Tuấn A đi làm ăn xa nên thường xuyên vắng nH. Vợ chồng nhiều lần cãi mắng nhau, thậm chí A Tuấn A còn đánh đập chị H. Gia đình, Hng xóm nhiều lần can ngăn, khuyên giải nhưng A Tuấn A vẫn không thay đổi. Khi Tòa án tiến Hnh tổng đạt các văn bản tố tụng thì A Tuấn A không hợp tác, nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn của chị H. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với A Tuấn A theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Ngô Thị Diệu H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với A Trịnh Tuấn A và nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến tuổi tHnh niên. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về trình tự, quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật trA chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H quy định tại khoản 2 điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Thông báo thụ lý, Kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến Hnh đúng thủ tục tố tụng. Những người tham gia tố tụng về cơ bản đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ kết hợp với việc hỏi, trA luận công khai tại phiên tòa, đối chiếu với quy định tại các điều: 28, 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. **Về tố tụng:** Việc bị đơn Trịnh Tuấn A đã được triệu tập đến phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về nội dung trả chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Ngô Thị Diệu H và A Trịnh Tuấn A có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, là hôn nhân tiến bộ và hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hiện nay, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, kéo dài, hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về kinh tế và tình cảm. Do đó, yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với A Tuấn A là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Thu Hương, sinh ngày 02/12/2015. Xét thấy, cháu Hương hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Chị H hiện là cán bộ tại Bảo hiểm xã hội huyện H, có thu nhập ổn định. Do đó, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung và khoản nợ: Chị H không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, dành cho hai bên đương sự quyền khởi kiện vụ án dân sự khi một trong hai bên có yêu cầu.

2.4. Về án phí: Chị Ngô Thị Diệu H phải nộp án phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Diệu H.
2. Chị Ngô Thị Diệu H được ly hôn A Trịnh Tuấn A.

3. Giao con chung Trịnh Thu Hương, sinh ngày 02/12/2015 cho chị Ngô Thị Diệu H trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 3/2018 đến tuổi tHnh niên (đủ 18 tuổi). A Trịnh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

A Trịnh Tuấn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

4. Về án phí: chị Ngô Thị Diệu H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng). Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002697 ngày 04/01/2018 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện H.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Q;
- Chi cục THSDS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hương Lan